

Cần Thơ, ngày 30 tháng 8 năm 2023

BẢNG GIÁ THU VIỆN PHÍ
Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu

Căn cứ Thông tư số 13/2023/TT-BYT ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Y tế Quy định khung giá và phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước cung cấp;

Căn cứ Tờ trình số 2110/TTr-BVPS ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Bệnh viện Phụ sản kính trình Sở Y tế, Sở Tài chính thành phố Cần Thơ về việc thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của Bệnh viện Phụ sản;

Căn cứ cuộc họp Ban Giám đốc mở rộng ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Bệnh viện Phụ sản về việc thống nhất chủ trương thực hiện giá thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu;

Căn cứ Công văn số 2666/STC-QLG-CS&TCDN ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài chính thành phố Cần Thơ về việc thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của Bệnh viện Phụ sản.

Giá thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng thực hiện từ ngày 01/9/2023.

ĐVT: Đồng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá thu theo hướng dẫn Thông tư 13/2023/TT-BYT đối với Bệnh viện hạng 1	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	DỊCH VỤ PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT			
1	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	lần	3.300.000	
2	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	lần	4.200.000	
3	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	lần	5.700.000	
4	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	lần	7.400.000	
5	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	lần	6.300.000	
6	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	lần	7.800.000	
7	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	lần	9.000.000	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá thu theo hướng dẫn Thông tư 13/2023/TT-BYT đối với Bệnh viện hạng 1	Ghi chú
8	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	lần	8.800.000	
9	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	lần	9.300.000	
10	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối	lần	9.000.000	
11	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	lần	9.200.000	
12	Phẫu thuật Crossen	lần	6.800.000	
13	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng	lần	6.400.000	
14	Đặt mảnh ghép tổng hợp điều trị sa tạng vùng chậu	lần	9.700.000	
15	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	lần	6.300.000	
16	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	lần	4.800.000	
17	Phẫu thuật Lefort	lần	5.000.000	
18	Phẫu thuật treo tử cung	lần	7.400.000	
19	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	lần	7.500.000	
20	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng	lần	7.500.000	
21	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	lần	8.000.000	
22	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung	lần	3.400.000	
23	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	lần	6.600.000	
24	Phẫu thuật TOT điều trị són tiểu	lần	8.100.000	
25	Lấy dụng cụ tử cung, triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	lần	5.000.000	

MLL

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá thu theo hướng dẫn Thông tư 13/2023/TT- BYT đối với Bệnh viện hạng 1	Ghi chú
26	Khâu thẩm mỹ tầng sinh môn	lần	4.200.000	
27	Làm lại thành âm đạo. tầng sinh môn	lần	8.200.000	
28	Cắt u nang buồng trứng	lần	6.700.000	
29	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	lần	7.200.000	
30	Cắt u thành âm đạo	lần	6.000.000	
31	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	lần	5.000.000	
32	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	lần	7.300.000	
33	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa	lần	7.700.000	
34	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán + tiêm MTX tại chỗ điều trị thai ngoài tử cung	lần	7.700.000	
35	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	lần	8.500.000	
36	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	lần	8.500.000	
37	Nội soi buồng tử cung can thiệp	lần	6.950.000	
38	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	lần	4.900.000	
39	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung	lần	6.900.000	
40	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung	lần	6.900.000	
41	Phẫu thuật nội soi cắt góc buồng trứng	lần	9.000.000	
42	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung	lần	9.000.000	
43	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	lần	9.400.000	

Handwritten signature

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá thu theo hướng dẫn Thông tư 13/2023/TT-BYT đối với Bệnh viện hạng 1	Ghi chú
44	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc	lần	9.000.000	
45	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung	lần	9.000.000	
46	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung	lần	9.100.000	
47	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung	lần	9.000.000	
48	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	lần	9.100.000	
49	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU	lần	9.200.000	
50	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	lần	9.400.000	
51	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	lần	9.400.000	
52	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	lần	9.000.000	
53	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng	lần	9.000.000	
54	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	lần	9.000.000	
55	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai	lần	8.800.000	
56	Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (soi buồng tử cung + nội soi ổ bụng)	lần	9.200.000	
57	Phẫu thuật nội soi sa sinh dục nữ	lần	15.000.000	
58	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ	lần	8.800.000	
59	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	lần	8.800.000	

Handwritten signature

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá thu theo hướng dẫn Thông tư 13/2023/TT-BYT đối với Bệnh viện hạng 1	Ghi chú
60	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	lần	9.000.000	
61	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng	lần	2.000.000	
62	Gây tê màng cứng giảm đau sau phẫu thuật bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng.	lần	1.850.000	
63	Giảm đau sau mổ bằng Morphine gây tê tủy sống	lần	1.382.000	
II	KHÁM BỆNH, TƯ VẤN			
1	Khám bệnh dịch vụ	lần	150.000	
2	Tư vấn hiếm muộn, sàng lọc, Nội, Nhi - Sơ sinh....	lần	150.000	
3	Yêu cầu Bác sĩ khám bệnh ngoài giờ	lần	250.000	
4	Khám chuyên gia	lần	300.000	
III	CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	lần		
1A	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối) (Đơn thai)	lần	100.000	
1B	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối) (Đa thai)	lần	150.000	
2	Siêu âm tử cung phần phụ	lần	100.000	
3	Siêu âm tuyến giáp	lần	100.000	
4	Siêu âm tuyến vú hai bên	lần	100.000	
5	Siêu âm loãng xương	lần	100.000	
6	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	lần	100.000	
7	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	lần	100.000	
8	Siêu âm qua thóp	lần	100.000	
9	Siêu âm đầu dò âm đạo, trực tràng	lần	210.000	
10	Siêu âm đầu dò âm đạo đo độ dài kênh cổ tử cung	lần	210.000	

mm

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá thu theo hướng dẫn Thông tư 13/2023/TT-BYT đối với Bệnh viện hạng 1	Ghi chú
11	Siêu âm Doppler mạch máu	lần	280.000	
12	Siêu âm Doppler tim	lần	280.000	
13	Siêu âm Doppler xuyên sọ	lần	280.000	
14	Siêu âm Doppler động mạch: rốn, não giữa, tử cung	lần	280.000	
15	Siêu âm đo độ mờ da gáy của thai nhi	lần	280.000	
16	Siêu âm hình thái thai (khảo sát dị dạng thai)	lần	300.000	
17	Siêu âm Doppler tuyến vú	lần	280.000	
18	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	lần	280.000	
19	Đo âm ốc tai (OAE) chẩn đoán	lần	130.000	
20	Sàng lọc tim bẩm sinh của trẻ sơ sinh	lần	130.000	
21	Theo dõi tim thai và con co tử cung bằng Monitoring	lần	110.000	
22	Điện tim thường	lần	80.000	
IV	XÉT NGHIỆM			
1	Xét nghiệm sàng lọc sơ sinh (Thực hiện tại bệnh viện)	lần	390.000	
1A	Xét nghiệm sàng lọc sơ sinh (Thực hiện XHH các tỉnh KV-ĐBSCL)	lần	330.000	
2	DOUBLE TEST	lần	460.000	
3	TRIPLE TEST	lần	520.000	
4	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	lần	85.000	
5	Định nhóm máu hệ ABO, Rh (D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	lần	150.000	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá thu theo hướng dẫn Thông tư 13/2023/TT-BYT đối với Bệnh viện hạng 1	Ghi chú
6	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	lần	126.000	
7	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine)	lần	114.000	
8	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	lần	114.000	
9	HBsAg miễn dịch tự động	lần	113.000	
10	Định lượng Prolactin	lần	145.000	
11	Định lượng Estradiol	lần	130.000	
12	Định lượng Ferritin	lần	150.000	
13	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone)	lần	140.000	
14	Định lượng Progesteron	lần	145.000	
15	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	lần	160.000	
16	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	lần	145.000	
17	HBeAg miễn dịch tự động	lần	145.000	
18	Định lượng Testosterol	lần	170.000	
19	CMV IgG miễn dịch tự động	lần	180.000	
20	CMV IgM miễn dịch tự động	lần	200.000	
21	Anti-HBs định lượng	lần	180.000	
22	Rubella virus IgG miễn dịch tự động	lần	175.000	
23	Rubella virus IgM miễn dịch tự động	lần	210.000	
24	Toxoplasma IgG/IgM miễn dịch tự động	lần	210.000	
25	Định lượng CA ¹²⁵ (cancer antigen 125)	lần	210.000	
26	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)	lần	240.000	
27	HSV 1+2 IgM miễn dịch tự động	lần	220.000	
28	HE4	lần	471.000	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá thu theo hướng dẫn Thông tư 13/2023/TT-BYT đối với Bệnh viện hạng 1	Ghi chú
29	Định lượng AMH (Anti - Mullerian Hormone)	lần	750.000	
30	Định lượng Acid Uric	lần	40.000	
31	Định lượng Creatinin / Glucose / Protein toàn phần	lần	40.000	
32	Định lượng Triglycerid	lần	45.000	
33	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	lần	58.000	
34	Định lượng HbA1c	lần	159.000	
35	Nghiệm pháp dung nạp Glucose cho người bệnh thai nghén	lần	240.000	
36	Vi khuẩn nhuộm soi	lần	116.000	
37	Ca++ máu	lần	37.000	
38	Định lượng Albumin / Globulin / Phospho máu / Ure máu	lần	46.000	
39	Định lượng Cholesterol toàn phần / HDL / LDL	lần	48.000	
40	Định lượng LH (Luteinizing Hormone)	lần	138.000	
41	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	lần	172.000	
42	Xét nghiệm sàng lọc 50 bệnh rối loạn chuyển hóa bẩm sinh	lần	750.000	
43	Xét nghiệm Bilirubin qua da	lần	110.000	
V	NGÀY GIƯỜNG ĐIỀU TRỊ THEO YÊU CẦU			
1	Ngày điều trị giường dịch vụ/Phòng 1 giường	Ngày	2.000.000	
2	Ngày điều trị giường dịch vụ/Phòng 2 giường	Ngày	1.000.000	

Handwritten signature

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá thu theo hướng dẫn Thông tư 13/2023/TT-BYT đối với Bệnh viện hạng 1	Ghi chú
3	Ngày điều trị giường dịch vụ/Phòng 3 giường	Ngày	800.000	
4	Ngày điều trị giường dịch vụ/Phòng 4 giường	Ngày	600.000	
VI	DỊCH VỤ NGOÀI Y TẾ			
1	Yêu cầu tắm bé tại nhà	lần	250.000	
2	Quay phim cuộc sanh/cuộc mổ	lần	400.000	
3	Chụp hình bé sau sinh	lần	200.000	
4	Gội đầu sản phụ	lần	75.000	
5	Massage cổ, vai, gáy	lần	150.000	
6	Dịch vụ cắt rốn + quay phim (người nhà)	lần	650.000	
7	Massage Kangaroo cho bé (xoa bóp toàn thân)	lần	110.000	
8	Xông hơi thuốc (không bao gồm thuốc)	lần	100.000	
9	Tư vấn hướng dẫn xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tuyến sữa	lần	260.000	

P. KHTH

Phạm Thị Thanh Thảo

P. TCKT

Nguyễn Văn Khuôn

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Dự

Cần Thơ, ngày 30 tháng 8 năm 2023

BẢNG GIÁ THU VIỆN PHÍ

Danh mục dịch vụ kỹ thuật thuộc Đề án “Phòng mổ dịch vụ theo yêu cầu”

Căn cứ Thông tư số 13/2023/TT-BYT ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Y tế Quy định khung giá và phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước cung cấp;

Căn cứ Tờ trình số 2110/TTr-BVPS ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Bệnh viện Phụ sản kính trình Sở Y tế, Sở Tài chính thành phố Cần Thơ về việc thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của Bệnh viện Phụ sản;

Căn cứ cuộc họp Ban Giám đốc mở rộng ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Bệnh viện Phụ sản về việc thống nhất chủ trương thực hiện giá thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu;

Căn cứ Công văn số 2666/STC-QLG-CS&TCDN ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài chính thành phố Cần Thơ về việc thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của Bệnh viện Phụ sản.

Giá thu dịch vụ kỹ thuật thuộc Đề án “Phòng mổ dịch vụ theo yêu cầu” áp dụng thực hiện từ ngày 01/9/2023.

ĐVT: Đồng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Giá dịch vụ kỹ thuật thuộc Đề án "Phòng mổ dịch vụ" theo hướng dẫn TT13/2023/TT-BYT	Giá dịch vụ yêu cầu PT/TT và yêu cầu Bác sĩ. Đề án "Phòng mổ dịch vụ"	Tổng hợp giá dịch vụ kỹ thuật có yêu cầu PT/TT	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I	DỊCH VỤ YÊU CẦU BÁC SĨ PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT					
1	Yêu cầu Bác sĩ (Tiền sĩ / CK II)			600.000	600.000	
2	Yêu cầu Bác sĩ (Thạc sĩ / CKI)			550.000	550.000	
II	DỊCH VỤ PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT					
1	Đỡ đẻ thường ngôi chòm	lần	2.300.000	1.000.000	3.300.000	
2	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	lần	2.700.000	1.500.000	4.200.000	
3	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	lần	3.200.000	2.500.000	5.700.000	
4	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	lần	4.400.000	3.000.000	7.400.000	
5	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mô thông âm đạo	lần	4.800.000	1.500.000	6.300.000	
6	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	lần	5.300.000	2.500.000	7.800.000	
7	Phẫu thuật cắt từ cung đường âm đạo	lần	6.000.000	3.000.000	9.000.000	

8	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	lần	5.800.000	3.000.000	8.800.000	
9	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	lần	6.300.000	3.000.000	9.300.000	
10	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối	lần	6.000.000	3.000.000	9.000.000	
11	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	lần	6.200.000	3.000.000	9.200.000	
12	Phẫu thuật Crossen	lần	3.800.000	3.000.000	6.800.000	
13	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng	lần	3.400.000	3.000.000	6.400.000	
14	Đặt mảnh ghép tổng hợp điều trị sa tạng vùng chậu	lần	6.700.000	3.000.000	9.700.000	
15	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	lần	3.800.000	2.500.000	6.300.000	
16	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	lần	2.800.000	2.000.000	4.800.000	
17	Phẫu thuật Lefort	lần	2.500.000	2.500.000	5.000.000	
18	Phẫu thuật treo tử cung	lần	4.900.000	2.500.000	7.400.000	
19	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	lần	5.000.000	2.500.000	7.500.000	
20	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng	lần	5.000.000	2.500.000	7.500.000	
21	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	lần	5.000.000	3.000.000	8.000.000	
22	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung	lần	1.900.000	1.500.000	3.400.000	
23	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	lần	3.600.000	3.000.000	6.600.000	
24	Phẫu thuật TOT điều trị són tiểu	lần	5.100.000	3.000.000	8.100.000	
25	Lấy dụng cụ tử cung, triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	lần	3.000.000	2.000.000	5.000.000	
26	Khâu thẩm mỹ tầng sinh môn	lần	2.200.000	2.000.000	4.200.000	
27	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	lần	5.200.000	3.000.000	8.200.000	
28	Cắt u nang buồng trứng	lần	4.700.000	2.000.000	6.700.000	
29	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	lần	4.700.000	2.500.000	7.200.000	
30	Cắt u thành âm đạo	lần	4.000.000	2.000.000	6.000.000	
31	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	lần	3.500.000	1.500.000	5.000.000	
32	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	lần	4.800.000	2.500.000	7.300.000	
33	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa	lần	5.200.000	2.500.000	7.700.000	
34	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán + tiêm MTX tại chỗ điều trị thai ngoài tử cung	lần	5.200.000	2.500.000	7.700.000	
35	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	lần	6.000.000	2.500.000	8.500.000	
36	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	lần	6.000.000	2.500.000	8.500.000	
37	Nội soi buồng tử cung can thiệp	lần	4.450.000	2.500.000	6.950.000	
38	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	lần	2.400.000	2.500.000	4.900.000	
39	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung	lần	4.400.000	2.500.000	6.900.000	

40	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung	lần	4.400.000	2.500.000	6.900.000	
41	Phẫu thuật nội soi cắt góc buồng trứng	lần	6.000.000	3.000.000	9.000.000	
42	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung	lần	6.000.000	3.000.000	9.000.000	
43	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	lần	6.400.000	3.000.000	9.400.000	
44	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc	lần	6.000.000	3.000.000	9.000.000	
45	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung	lần	6.000.000	3.000.000	9.000.000	
46	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung	lần	6.100.000	3.000.000	9.100.000	
47	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung	lần	6.000.000	3.000.000	9.000.000	
48	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	lần	6.100.000	3.000.000	9.100.000	
49	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU	lần	6.200.000	3.000.000	9.200.000	
50	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	lần	6.400.000	3.000.000	9.400.000	
51	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	lần	6.400.000	3.000.000	9.400.000	
52	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	lần	6.000.000	3.000.000	9.000.000	
53	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng	lần	6.000.000	3.000.000	9.000.000	
54	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	lần	6.000.000	3.000.000	9.000.000	
55	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai	lần	5.800.000	3.000.000	8.800.000	
56	Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (soi buồng tử cung + nội soi ổ bụng)	lần	6.200.000	3.000.000	9.200.000	
57	Phẫu thuật nội soi sa sinh dục nữ	lần	12.000.000	3.000.000	15.000.000	
58	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ	lần	5.800.000	3.000.000	8.800.000	
59	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	lần	5.800.000	3.000.000	8.800.000	
60	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	lần	6.000.000	3.000.000	9.000.000	
61	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng	lần	1.000.000	1.000.000	2.000.000	
62	Gây tê màng cứng giảm đau sau phẫu thuật bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng.	lần	850.000	1.000.000	1.850.000	
63	Giảm đau sau mổ bằng Morphin gây tê tùy sống	lần	382.000	1.000.000	1.382.000	
III	DỊCH VỤ NGOÀI Y TẾ					
1	Quay phim cuộc sanh/cuộc mổ	lần	400.000		400.000	
2	Tư vấn hướng dẫn xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tuyến sữa	lần	260.000		260.000	

P. KHTH

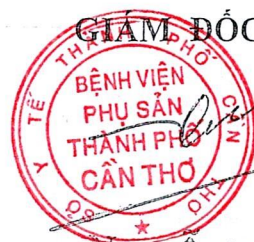


Phạm Thị Thanh Thoảng

P. TCKT



Nguyễn Văn Khuôn



Nguyễn Hữu Dự